

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/LĐ-ST

Ngày: 25-9-2024

V/v “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Nam.
- Ông Phạm Văn Tám.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Quỳnh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2024/TLST-LĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-LĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-LĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Tân P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp 1A, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Giấy ủy quyền ngày 20/6/2024).

2. **Bị đơn:** Công ty Cổ phần L.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D1a, Đường dọc 2, Khu Công nghiệp Phú An Thạnh, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Lê Thành – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bảo hiểm xã hội huyện B, tỉnh Long An.

Địa chỉ trụ sở: Số 20, đường Lê Văn Vịnh, khu phố 3, thị trấn Bến Lức, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Bà Lê Thị Huỳnh H – Chức vụ: Giám đốc.

(Bà Thúy và bà Hoa có đơn xin vắng mặt, ông Thành vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H do người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Ngày 01/11/2017, giữa bà Phạm Thị Ngọc H và Công ty Cổ phần L có ký Hợp đồng lao động, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Hợp đồng lao động thể hiện công việc phải làm, chế độ làm việc, mức lương, nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần L đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng và quy định pháp luật về lao động, cụ thể: Bà Hà đã đóng Bảo hiểm xã hội đầy đủ cho Công ty nhưng Công ty không đóng Bảo hiểm xã hội cho bà Hà. Do Công ty không đóng Bảo hiểm xã hội, nên người lao động là bà Hà đã nghỉ việc ở Công ty. Mặc dù, bà Hà nhiều lần yêu cầu Công ty chốt sổ Bảo hiểm nhưng đến nay Công ty vẫn không thực hiện. Theo văn bản xác nhận của Bảo hiểm xã hội huyện B thì Công ty Cổ phần L còn nợ số tiền bảo hiểm là 23.569.486 đồng. Do đó, bà Hà khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần L phải đóng tiền bảo hiểm cho bà Phạm Thị Ngọc H với số tiền là 23.569.486 đồng.

Theo Văn bản số 274/CV-BHXXH ngày 17/7/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện B do người đại diện theo pháp luật bà Lê Thị Huỳnh Hoa trình bày:

Bảo hiểm xã hội huyện B đã cung cấp số liệu Bảo hiểm xã hội của Công ty Cổ phần L và cung cấp thông tin tạm tính số phải đóng xác nhận chốt sổ Bảo hiểm xã hội của đơn vị nợ đến thời điểm hiện tại. Bảo hiểm xã hội không có yêu cầu khởi kiện gì trong vụ án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Bảo hiểm xã hội huyện B đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Sự việc đã được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn Công ty Cổ phần L vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 73, 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Phạm Thị Ngọc H và Công ty Cổ phần L, loại hợp đồng là hợp đồng không xác định thời hạn, mức lương 3.560.000 đồng. Xét thấy, theo quy định khoản 1 Điều 168 Bộ luật Lao động, Điều 2 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; hằng tháng người sử dụng lao động có trách nhiệm trích tiền lương của người lao động để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Việc Công ty L không thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho bà Hà là trái quy định của pháp luật nên cần phải buộc Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội với số tiền gốc theo bảng tạm tính của Bảo hiểm xã hội huyện B là 19.806.214 đồng. Do Công ty L chậm đóng Bảo hiểm xã hội nên phải chịu lãi chậm đóng theo quy định của Bảo hiểm xã hội huyện B, cụ thể theo bảng tạm tính đến tháng 7/2024 thì số lãi chậm đóng mà Công ty phải chịu là 3.763.272 đồng. Như vậy, Công ty L phải thực hiện đóng tiền Bảo hiểm xã hội còn nợ cho bà Hà là 23.569.486 đồng, trong đó số tiền chậm đóng là 19.806.214 đồng và tiền lãi chậm đóng là 3.763.272 đồng.

Công ty L còn phải chịu lãi trên số tiền bảo hiểm chậm đóng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế.

Từ những nhận định trên, căn cứ các Điều 6, 13, 20, 21, 168, 188 Bộ luật Lao động năm 2019; các Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86, khoản 2 Điều 89, Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bị đơn có trụ sở chính tại xã An Thạnh, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”. Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Về xác định tư cách đương sự: Theo đơn khởi kiện, bà Phạm Thị Ngọc H khởi kiện tranh chấp về bảo hiểm xã hội nên được xác định là nguyên đơn. Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xác định Công ty Cổ phần L là bị đơn. Bảo hiểm xã hội huyện B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Việc ủy quyền của các đương sự hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.3] Về việc vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T, Bảo hiểm xã hội huyện B vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Bị đơn Công ty Cổ phần L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách

quan. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu đóng tiền bảo hiểm còn nợ của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H:

[2.1] Theo hồ sơ thể hiện, ngày 01/11/2017, giữa bà Phạm Thị Ngọc H và Công ty Cổ phần L có ký Hợp đồng lao động số /2017-HĐLĐ, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Tại Điều 3 Hợp đồng lao động có thỏa thuận “...về mức lương chính hoặc tiền công; phụ cấp; tiền thưởng; chế độ nâng lương; về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tham gia trích đóng hàng tháng từ tiền lương...”. Do đó, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng lao động và thỏa thuận về tiền lương, về mức đóng bảo hiểm theo quy định Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014. Hợp đồng lao động giữa Công ty L và bà Hà có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần L đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng và quy định pháp luật về lao động, cụ thể Công ty không đóng bảo hiểm xã hội cho bà Hà. Do đó, bà Hà khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần L phải đóng tiền bảo hiểm cho bà Hà với số tiền là 19.806.214 đồng. Bị đơn Công ty Cổ phần L vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hà về việc nợ tiền bảo hiểm. Theo quy định tại Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội, thì trách nhiệm của người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật. Căn cứ Công văn số 274/CV-BHXXH ngày 17/7/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện B thì Bảo hiểm xã hội huyện B xác định Công ty Cổ phần L có tham gia bảo hiểm theo Số sổ bảo hiểm là 8016051703 cho bà Hà gồm các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thì Công ty không đóng bảo hiểm đầy đủ cho bà Hà. Cụ thể, Công ty Cổ phần L còn nợ Bảo hiểm xã hội huyện B tổng số tiền chậm đóng và tiền lãi chậm đóng là 23.569.486 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Hà về việc buộc Công ty Cổ phần L có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội với tổng số tiền bảo hiểm chậm đóng và tiền lãi chậm đóng đến tháng 7/2024 là 23.569.486 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đóng tiền bảo hiểm xã hội và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc Công ty Cổ phần L phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đóng tiền bảo hiểm còn nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, 35, 39, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 6, 13, 20, 21, 168, 188 Bộ luật Lao động 2019; các Điều 17, 18, 19, 21, 85, 86, 89, 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; các Điều 12, 14, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc H đối với bị đơn Công ty Cổ phần L về việc tranh chấp bảo hiểm xã hội.

Buộc Công ty Cổ phần L có nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp còn nợ vào tài khoản thu của cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện B để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Phạm Thị Ngọc H số tiền là 23.569.486 đồng. Trong đó, số tiền chậm đóng là 19.806.214 đồng, lãi chậm đóng tạm tính đến tháng 7/2024 là 3.763.272 đồng.

Công ty Cổ phần L còn phải chịu tiền lãi trên số tiền bảo hiểm xã hội chậm đóng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty Cổ phần L phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Nam

Phạm Văn Tám

Phan Thu Thảo